

Bản án số: 66/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 15-12-2022

V/v: Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGA SƠN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Nam Tiến.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Mai Đăng Ninh.

2/ Bà Trịnh Thị Yến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nga - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 207/2022/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 9 năm 2022 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Anh Mai Văn P, sinh năm 1971; địa chỉ: Thôn 4, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. **Bị đơn:** Chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1974; địa chỉ cư trú cuối cùng: Thôn 4, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 08/9/2022, bản tự khai ngày 12/9/2022, nguyên đơn Mai Văn P trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị P kết hôn với nhau vào ngày 27/12/2000 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã H, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được khoảng 07 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình của vợ chồng không còn hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, trong cuộc sống luôn cãi vã nhau, không có sự tôn trọng nhau. Đến tháng 8/2018 thì chị P đã tự ý bỏ đi khỏi gia đình và địa phương, anh đã dùng mọi biện pháp tìm kiếm nhưng không có tin tức gì về việc chị P đang ở đâu, còn sống hay đã chết, nên anh đã làm đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố chị P mất tích. Ngày

03/8/2022 Tòa án nhân dân huyện N đã ra quyết định tuyên bố chị Nguyễn Thị P mất tích. Nay anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị P.

Về con: Vợ chồng có hai con chung là Mai Văn P1, sinh ngày 25/10/2002 và Mai Văn S, sinh ngày 21/01/2007. Anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu S và không yêu cầu chị P phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Còn cháu P1 đã trưởng thành nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung, nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn Nguyễn Thị P: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành việc niêm yết công khai thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa tại nơi cư trú cuối cùng của chị P, nhưng chị P không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS); những người tham gia tố tụng: nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, bị đơn không chấp hành quyền và nghĩa vụ theo quy định. Về giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Mai Văn P, cho anh P được ly hôn chị Nguyễn Thị P; về con: giao cháu Mai Văn S sinh ngày 21/01/2007 cho anh P trực tiếp nuôi dưỡng, chị P không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung; về án phí: anh P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (DSST) về việc ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

* Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết:

Anh Mai Văn P có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Thanh Hóa giải quyết việc ly hôn giữa anh và chị Nguyễn Thị P. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Nguyên đơn Mai Văn P có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, còn bị đơn Nguyễn Thị P vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của BLTTDS, Tòa án xét xử vắng mặt đối với anh P và chị P.

* Về nội dung giải quyết:

[1] Về hôn nhân: Anh Mai Văn P và chị Nguyễn Thị P kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được khoảng 07 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo anh P trình bày là do tính tình của vợ chồng không còn hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, trong cuộc sống luôn cãi vã nhau, không có sự tôn trọng nhau. Đến tháng 8/2018 thì chị P bỏ nhà đi, kể từ khi đó đến nay chị P ở đâu, làm gì anh P cũng như gia đình chị P, chính quyền

địa phương không hề hay biết. Ngày 03/8/2022 Tòa án nhân dân huyện N đã mở phiên họp quyết định tuyên bố chị P mất tích. Nay anh P đề nghị xin ly hôn, Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục theo quy định của pháp luật, nhưng chị P vẫn vắng mặt, nên Hội đồng xét xử (HĐXX) quyết định xét xử vắng mặt đối với chị P và chấp nhận cho anh P được ly hôn chị P là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về con: Theo anh P trình bày thì vợ chồng có hai con chung là Mai Văn P1, sinh ngày 25/10/2002 và Mai Văn S, sinh ngày 21/01/2007. Hiện tại cháu S đang ở với bố và ông nội, nguyện vọng của cháu là được ở với bố, nên HĐXX chấp nhận yêu cầu của anh P, giao cháu S cho anh P trực tiếp nuôi dưỡng, chị P không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung do anh P không yêu cầu là phù hợp với quy định của pháp luật. Còn cháu P1 đã trưởng thành, anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên miễn xét.

[3] Về tài sản: Theo anh P trình bày thì vợ chồng không có tài sản chung, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên miễn xét.

[4] Về án phí: Anh Mai Văn P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (DSST) về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 2 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 68 Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 28, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 BLTTDS; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Mai Văn P, cho anh P được ly hôn chị Nguyễn Thị P.

2. Về con: Giao cháu Mai Văn S sinh ngày 21/01/2007 cho anh Mai Văn P trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Nguyễn Thị P không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Chị P có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Mai Văn P phải chịu án phí DSST về việc ly hôn là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí DSST đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí toà án số AA/2021/0015066 ngày 08/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, anh P đã nộp đủ án phí DSST.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Nga Sơn;
- UBND xã H, huyện
N, tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Nam Tiến